

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 72/2017/HSST
Ngày: 19/6/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Đình Trọng

Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim

Ông Trần Văn Sinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hiền - Cán bộ tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: ông Đỗ Quang Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2017, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 45/2017/HSST ngày 26/4/2017 đối với bị cáo:

Lưu Thị Vi A; tên gọi khác: H; sinh ngày 07/6/1979, tại thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; nơi ĐKKHKT: tổ 2, khu 1, phường G, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; chỗ ở: tổ 6, khu 1, phường G, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; trình độ văn hoá: lớp 12/12; nghề nghiệp: lao động tự do (nguyên Giám đốc Công ty TNHH TM XNK T); con ông Lưu Văn Huân và bà Phạm Thị Loan; bị cáo chưa kết hôn; có 01 con sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: chưa; nhân thân: ngày 28/12/2015, bị Tòa án quân sự khu vực 1 - Quân khu 3 xử phạt 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; bị cáo hiện tại ngoại tại nơi cư trú, có mặt.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Lưu Thị Vi A bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Trong tháng 10/2013 và tháng 12/2013, Lưu Thị Vi A - Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại xuất nhập khẩu T (đăng ký địa chỉ kinh doanh tại tổ 2, khu 1, phường G, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh) đã bán than không có nguồn gốc hợp pháp, xuất kèm 03 hóa đơn GTGT cho 03 doanh nghiệp (gồm: Công ty cổ phần Đ - thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; Công ty cổ phần đầu tư và phát triển P-tỉnh Nam Định; Công ty cổ phần khoáng sản vật liệu xây dựng H - huyện H, tỉnh Quảng Ninh), nhưng không kê khai thuế theo quy định, tổng số tiền Lưu Thị Vi A

trốn thuế của nhà nước là 610.390.000 đ (sáu trăm mười triệu, ba trăm chín mươi ngàn đồng).

Từ tháng 8/2013 đến tháng 01/2014, Lưu Thị Vi A đã bán trái phép 43 hóa đơn GTGT cho Tuấn Anh (không rõ nhân thân địa chỉ) để hợp thức hóa ghi bán than cho 04 doanh nghiệp gồm Công ty cổ phần Chè H, Công ty trách nhiệm hữu hạn Chè Đ, Công ty cổ phần phát triển công nghệ J, Công ty trách nhiệm hữu hạn Dệt M và cho Nguyễn Văn D - giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn M - thành phố H, thu lời tổng số tiền 115.903.020 đồng (một trăm mười lăm triệu, chín trăm linh ba ngàn, không trăm hai mươi đồng).

Tại bản cáo trạng số 48/KSĐT- HS ngày 25 tháng 4 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã truy tố bị cáo Lưu Thị Vi A về tội “Trốn thuế” và “Mua bán trái phép hóa đơn” theo quy định tại khoản 3 Điều 161; điểm d, đ khoản 2 Điều 164a BLHS.

Tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

Xử phạt bị cáo Lưu Thị Vi A (tên gọi khác: H) từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù về tội “Trốn thuế”; từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù về tội “Mua bán trái phép hóa đơn”, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội từ 30 tháng tù đến 36 tháng tù.

Buộc bị cáo Lưu Thị Vi A phải nộp lại tổng số tiền 726.293.020 đồng để sung quỹ Nhà nước. Bị cáo đã tự nguyện nộp 30.000.000 đồng tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh, còn lại buộc bị cáo phải nộp tiếp số tiền là 696.293.020 đồng.

Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên miễn phạt tiền cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa cũng như các lời khai trước đây tại hồ sơ bị cáo Lưu Thị Vi A đều nhận tội và thừa nhận hành vi của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh, cụ thể như sau:

Năm 2013, Lưu Thị Vi A thành lập Công ty TNHH thương mại xuất nhập khẩu T (gọi tắt là Công ty T) có địa chỉ tổ 2, khu 1, phường G, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Công ty T đăng ký nhiều ngành nghề kinh doanh trong đó có chức năng kinh doanh than nhưng không đủ điều kiện kinh doanh theo quy định tại Thông tư số 14/2013/TT-BCT ngày 15/7/2013 của Bộ Công Thương. Mục đích thành lập Công ty là để mua bán hóa đơn. Sau khi thành lập Công ty, bị cáo mua gom than các loại không có nguồn gốc của một số đối tượng tên là Dũng “biên”, Ước, Bình, Lê (không rõ nhân thân, địa chỉ) để bán. Do khách hàng mua than yêu cầu phải có hóa đơn giá trị gia tăng (gọi tắt là GTGT) và đề xuất được hóa đơn

GTGT của Công ty T đối với số than trôi nổi thì phải có hóa đơn GTGT để hợp thức hóa đầu vào cho việc kê khai thuế, bị cáo đã mua 06 hóa đơn GTTT của Lê với tổng giá trị tiền hàng 12.618.404.000 đồng, tổng tiền thuế 1.261.840.480 đồng (ghi đơn vị xuất hóa đơn là Công ty TNHH N) và 02 tờ hóa đơn của Bình, tổng tiền hàng 3.336.000.000 đồng, tổng tiền thuế 333.600.000 đồng (ghi đơn vị xuất hóa đơn là Công ty TNHH L). Sau đó, bị cáo đã kê khai thuế đầu vào 06 hóa đơn, còn 02 hóa đơn của Công ty L bị loại bỏ do cơ quan thuế phát hiện là hóa đơn không hợp pháp.

Quá trình kinh doanh, bị cáo đã xuất bán than không có nguồn gốc hợp pháp cho 06 doanh nghiệp kèm theo 24 hóa đơn GTGT, trong đó không kê khai thuế đầu ra 03 hóa đơn và bán không 43 hóa đơn của Công ty T, cụ thể:

Đối với hành vi không kê khai thuế đầu ra của 03 hóa đơn, bị cáo khai:

Ngày 01/10/2013, bị cáo xuất hóa đơn ký hiệu số 0000060-AA/13P xuất bán 503 tấn than cục giá tiền 1.659.000.000 đồng, thuế GTGT 165.990.000 đồng cho Công ty cổ phần Đ.

Ngày 31/12/2013, bị cáo xuất hóa đơn ký hiệu số 0000086-AA/13P xuất bán 1.900 tấn than giá tiền 3.990.000.000 đồng, thuế GTGT 399.000.000 đồng cho Công ty cổ phần đầu tư và phát triển P.

Cũng trong ngày 31/12/2013, bị cáo xuất hóa đơn ký hiệu số 0000088/13P xuất bán 1000 tấn than với giá tiền 454.000.000 đồng, thuế GTGT 45.400.000 đồng cho Công ty cổ phần khoáng sản vật liệu xây dựng H.

Cả ba hóa đơn trên, bị cáo không kê khai thuế đầu ra nhằm mục đích trốn số tiền thuế phải nộp, giảm trừ thuế đầu vào do nguồn than của Công ty T không hợp pháp. Tổng số tiền thuế bị cáo trốn thuế của Nhà nước là 610.390.000 đồng.

Lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản xác minh của Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an tỉnh Quảng Ninh đối với Công ty cổ phần Đ, Công ty cổ phần đầu tư và phát triển P, Công ty cổ phần khoáng sản vật liệu xây dựng H đều xác nhận trực tiếp mua than kèm theo hóa đơn GTGT của Công ty T, nhưng không biết về nguồn gốc than và sau đó các công ty này đã kê khai thuế đầu vào theo quy định; Phù hợp với tài liệu của Cục thuế tỉnh Quảng Ninh cung cấp về việc kê khai thuế năm 2013 của Công ty T thể hiện công ty chỉ kê khai thuế đến hết tháng 10/2013 và trong tháng 10/2013 không kê khai hóa đơn ký hiệu số 0000060-AA/13P, tháng 12/2013 cũng không kê khai nộp thuế đối với hai hóa đơn ký hiệu số 0000086-AA/13P và 0000088/13P.

Đối với hành vi bán không 43 hóa đơn, bị cáo khai:

Trước và sau khi thành lập Công ty T, bị cáo đã vài lần bán than cho một đối tượng tên là Tuấn Anh (không rõ nhân thân, địa chỉ) nhưng không xuất hóa đơn. Sau đó, Tuấn Anh có liên hệ với bị cáo để mua hóa đơn, bị cáo đồng ý viết hóa đơn theo yêu cầu của Tuấn Anh và thu lời 10% tiền hàng. Tuấn Anh thanh toán tiền mua hóa đơn bằng hình thức chuyển khoản, bị cáo viết ủy nhiệm chi hoặc séc cho chị Lê Thị T rút tiền hàng trả cho Tuấn Anh. Tổng bị cáo bán cho Tuấn Anh

37 hóa đơn GTGT để hợp thức hóa ghi bán than các loại cho 04 doanh nghiệp, cụ thể: Công ty cổ phần Chè H - tỉnh Hòa Bình 15 hóa đơn, tổng tiền hàng và thuế là 259.105.000 đồng; Công ty trách nhiệm hữu hạn chè Đ - thành phố Hà Nội 11 hóa đơn, tổng tiền hàng và tiền thuế 237.622.000 đồng; Công ty cổ phần phát triển công nghệ J- tỉnh Thái Bình 04 hóa đơn, tổng tiền hàng và tiền thuế là 72.063.200; Công ty trách nhiệm hữu hạn dệt M - tỉnh Thái Bình 07 hóa đơn, tổng tiền hàng và thuế là 659.306.340 đồng. Tổng giá trị tiền hàng là 1.116.451.400 đồng, tiền thuế 111.645.140 đồng.

Ngoài ra, bị cáo còn bán than cho Công ty trách nhiệm hữu hạn M- thành phố H và theo yêu cầu của Nguyễn Văn D giám đốc công ty, bị cáo xuất bán khống cho D 06 hóa đơn GTGT, ghi cước vận chuyển, tổng giá trị tiền hàng 42.578.800 đồng, tổng tiền thuế 4.257.880 đồng.

Trong tổng số hóa đơn bán khống, bị cáo không kê khai thuế 05 hóa đơn.

Sau khi xuất bán khống 43 hóa đơn GTGT, bị cáo thu lời số tiền 115.903.020 đồng (tương đương với 10% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn).

Khi thực hiện việc mua, bán trái phép hóa đơn GTGT, bị cáo lập khống các thủ tục, chứng từ như: Hợp đồng kinh tế, biên bản giao nhận than, phiếu xuất kho, séc rút tiền, phiếu chi tiền, chứng từ chuyển tiền qua ngân hàng... để hợp thức hóa cho hành vi mua bán hóa đơn trái phép và kê khai thuế. Đồng thời, bị cáo còn nhờ một số người quen biết như Lê Thị L, Lê Thị T, Tăng Thị S, Nguyễn Văn B, Bùi Thị Thu T đến ngân hàng làm thủ tục rút tiền hộ từ tài khoản của Công ty T và nhờ Lê Thị T viết hộ hóa đơn GTGT, phiếu xuất kho khống. Bị cáo thuê bà Trần Thị H làm kế toán để báo cáo kê khai thuế theo chứng từ bị cáo cung cấp. Những người này không biết việc mua bán trái phép hóa đơn cũng như hành vi trốn thuế của bị cáo. Toàn bộ tài liệu pháp lý, chứng từ, con dấu, hóa đơn GTGT của Công ty T bị cáo đã vứt bỏ do chuyển nhà bị ngập nước.

Hành vi mua bán trái phép hóa đơn của bị cáo còn được chứng minh bởi tờ khai thuế GTGT; Bảng kê hóa đơn, chứng từ dịch vụ bán ra của Công ty T do Cục thuế tỉnh Quảng Ninh cung cấp; Lời khai của những người làm chứng là cá nhân, doanh nghiệp sử dụng, kê khai hóa đơn GTGT của Công ty T. Cụ thể:

Ông Nguyễn Đình T - Giám đốc Công ty TNHH Chè Đ: Trong khoảng thời gian từ 10/8/2013 đến hết tháng 10/2013, thông qua một người tên là Nguyễn Tuấn Anh tự giới thiệu là người của Công ty T nói là có nguồn than hợp pháp, có hóa đơn GTGT, Công ty Chè Đ đã mua của Công ty T 61.720 tấn than cục bằng tổng số tiền là 216.020.000 đồng, tổng tiền thuế GTGT là 21.602.000 đồng. Công ty T đã xuất cho Công ty Chè Đ 11 hóa đơn GTGT. Số hóa đơn này đã được Công ty kê khai khấu trừ thuế theo quy định.

Ông Nguyễn Ngọc D - Giám đốc Công ty J: Do công ty có nhu cầu mua than cục để phục vụ kinh doanh, nên thời điểm tháng 8/2013, ông đã mua than kèm theo 04 hóa đơn GTGT của một người đàn ông tên là Phạm Văn Tuấn, giới thiệu là người của Công ty T. Ông không biết mặt, không giao dịch mua than với giám đốc Công ty T, không biết Công ty này mua than có nguồn gốc từ đâu. Khi Công ty kê

khai 04 hóa đơn trên đã bị Cục thuế tỉnh Thái Bình loại trừ do xác định hóa đơn không hợp pháp.

Bà Nguyễn Thị T - Giám đốc Công ty Chè H: Công ty Chè H có ký hợp đồng mua bán than với Công ty T thông qua một người tên là Nguyễn Tuấn Anh. Thực hiện hợp đồng, Công ty chè H đã mua tổng số 14 lô hàng tương ứng với 14 số hóa đơn GTGT của Công ty T, sau đó Công ty đã kê khai khấu trừ thuế đầu vào năm 2013. (Thực tế theo Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa dịch vụ bán ra và Danh sách các đơn vị nhận hóa đơn GTGT do Cục thuế tỉnh Quảng Ninh cung cấp thì Công ty T xuất cho Công ty chè H tổng 15 hóa đơn, nhưng Công ty Chè H đã không kê khai thuế 01 hóa đơn ký hiệu số 0000017 ngày 05/8/2013).

Ông Kanata K -Tổng giám đốc Công ty TNHH dệt M cho biết: từ tháng 9/2015, công ty thuộc chủ cũ nên việc giao dịch, mua bán hóa đơn liên quan đến Công ty T ông không biết, trên các số hóa đơn có chữ ký người mua là Bùi Thị Hoài T hiện đã nghỉ việc tại Công ty. Nhưng căn cứ vào tài liệu lưu giữ tại Công ty thể hiện, từ tháng 09/2013 đến tháng 01/2014, Công ty T đã xuất 06 hóa đơn GTGT ghi nội dung bán than cho Công ty dệt M, Công ty đã kê khai 04 hóa đơn, còn 02 hóa đơn không kê khai thuế. (Thực tế theo Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa dịch vụ bán ra và Danh sách các đơn vị nhận hóa đơn GTGT do Cục thuế tỉnh Quảng Ninh cung cấp thì Công ty T xuất cho Công ty dệt M tổng 07 hóa đơn, nhưng Công ty dệt M đã không kê khai thuế 01 hóa đơn ký hiệu số 0000073 ngày 17/10/2013).

Nguyễn Văn D - nguyên Giám đốc Công ty TNHH M cũng thừa nhận đã mua khống của Lưu Thị Vi A 06 hóa đơn GTGT.

Như vậy, đủ cơ sở kết luận: Trong tháng 10/2013 và tháng 12/2013, Lưu Thị Vi A đã bán than không có nguồn gốc hợp pháp, xuất kèm 03 hóa đơn GTGT cho 03 doanh nghiệp, nhưng không kê khai thuế, tổng số tiền trốn thuế là 610.390.000đ (sáu trăm mười triệu, ba trăm chín mươi ngàn đồng). Từ tháng 8/2013 đến tháng 01/2014, Lưu Thị Vi A đã bán trái phép 43 hóa đơn GTGT thu lời tổng số tiền 115.903.020 đồng (một trăm mười lăm triệu chín trăm linh ba ngàn không trăm hai mươi đồng).

Hành vi của bị cáo đã phạm tội “Trốn thuế” quy định tại khoản 3 Điều 161 BLHS và tội “Mua bán trái phép hóa đơn” thuộc trường hợp hóa đơn, chứng từ có số lượng rất lớn và đặc biệt lớn, thu hồi bất chính lớn được quy định tại khoản 2 Điều 164a BLHS như Viện kiểm sát đã truy tố là có căn cứ pháp luật.

Trong vụ án này, số tiền trốn thuế của bị cáo là 610.390.000 đồng thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 161 BLHS năm 1999, có khung hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm. Tuy nhiên, theo quy định của Bộ luật hình sự năm 2015, thì số tiền trốn thuế từ 300.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 200 có khung hình phạt tù từ 01 năm đến 03 năm. Như vậy, cần áp dụng quy định có lợi theo tinh thần của Nghị quyết số 144/2016/QH13; khoản 3 Điều 7; điểm b khoản 2 Điều 200 Bộ luật Hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo.

Khi bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đưa ra xét xử thì bị cáo đang thi hành hình phạt 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” của Bản án số 13/2015/HSST ngày 28/12/2015 của Tòa án quân sự - Khu vực 1 Quân khu 3. Nhưng do hành vi phạm tội trong vụ án này của bị cáo xảy ra trước nên bị cáo phải chấp hành đồng thời hai bản án (theo hướng dẫn tại Điều 7 Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao).

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm hại các quy định của Nhà nước về quản lý thuế, quản lý kinh tế, tài chính, tiền tệ, Bị cáo biết rõ hành vi trốn thuế, mua bán hóa đơn là trái pháp luật và gây nguy hại cho xã hội, nhưng vì háms lợi đã bất chấp quy định của pháp luật, cần phải có mức án nghiêm để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

Về tình tiết giảm nhẹ: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn lãn hối cải, tự nguyện khắc phục hậu quả, đang nuôi con nhỏ. Vì vậy, cũng cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Về số tiền thu lời bất chính từ việc trốn thuế là 610.390.000 đồng và mua bán trái phép hóa đơn là 115.903.020 đồng cần buộc bị cáo phải nộp lại để sung quỹ Nhà nước tổng số tiền là 726.293.020 đồng. Bị cáo đã tự nguyện nộp 30.000.000 đồng tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh, còn lại buộc bị cáo phải nộp tiếp tổng số tiền là 696.293.020 đồng.

Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên miễn phạt tiền cho bị cáo.

Đối với một số đối tượng có liên quan trong vụ án này theo cáo trạng và kết luận điều tra chưa đến mức xử lý hình sự, chưa có căn cứ điều tra làm rõ nên không đề cập trong vụ án này.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Lưu Thị Vi A (tên gọi khác: H) phạm tội “Trốn thuế” và “Mua bán trái phép hóa đơn”.

Áp dụng khoản 3 Điều 161; điểm d, đ khoản 2 Điều 164a; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 144/2016/QH13; khoản 3 Điều 7; điểm b khoản 2 Điều 200 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt Lưu Thị Vi A 12 (mười hai) tháng tù về tội “Trốn thuế”; 12 (mười hai)) tháng tù về tội “Mua bán trái phép hóa đơn”; Tổng hợp hình phạt buộc Lưu Thị Vi A phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 24 (hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự; Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Buộc bị cáo Lưu Thị Vi A phải nộp lại tổng số tiền 726.293.020 đồng để sung quỹ Nhà nước, được trừ đi số tiền 30.000.000 đồng bị cáo đã nộp (tại biên lai

thu tiền số 0007756 ngày 01/6/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh), bị cáo còn phải nộp tiếp số tiền là 696.293.020 đồng (sáu trăm chín mươi sáu triệu hai trăm chín mươi ba nghìn không trăm hai mươi đồng).

Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, có mặt bị cáo. Báo để bị cáo biết quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND tỉnh QN;
- Công an tỉnh QN;
- THA, Lưu VP, Toà hình sự, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Đào Đình Trọng